

BỘ LAO ĐỘNG -
THƯƠNG BINH VÀ XÃ
HỘI
Số: 40/LĐTBXH-QĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 1 tháng 2 năm 1989

QUYẾT ĐỊNH

SỐ 40/LĐ-TBXH-QĐ NGÀY 1/2/1989

VỀ VIỆC BAN HÀNH BẢN DANH MỤC SỐ I

CÁC CHỨC DANH ĐẦY ĐỦ VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Căn cứ điều 1 và điều 3 Quyết định số 109/HĐBT ngày 30/6/1988 của Hội đồng Bộ trưởng về công tác xây dựng chức danh tiêu chuẩn nghiệp vụ và tổ chức lao động khoa học trong viên chức; uỷ quyền cho Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và xã hội ban hành chức danh đầy đủ cho các ngành;

Căn cứ Quyết định số 117-HĐBT ngày 15/7/1982 của Hội đồng Bộ trưởng về việc ban hành bản Danh mục số I các chức vụ viên chức Nhà nước;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và kết luận của cuộc Hội thảo chuyên viên cấp Nhà nước ngày 8/12/1988,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.- Nay ban hành bản Danh mục số I chức danh đầy đủ các chức vụ viên chức thuộc ngành Giáo dục bao gồm 24 chức danh. Trong đó:

Nhóm 9: viên chức lãnh đạo quản lý gồm 9 chức danh.

Nhóm 8: viên chức lãnh đạo gồm 2 chức danh.

Nhóm 5: viên chức chuyên môn gồm 13 chức danh (có bản danh mục đính kèm).

Điều 2.- Căn cứ bản danh mục này Bộ Giáo dục tiến hành xây dựng tiêu chuẩn nghiệp vụ theo điều 2 của Quyết định số 109-HĐBT ngày 30/6/1988 của Hội đồng Bộ trưởng và tổ chức hướng dẫn thực hiện hệ thống chức danh viên chức này trong toàn ngành nhằm đem lại hiệu quả thiết thực, làm cho bộ máy gọn, nhẹ tăng cường hiệu lực quản lý trên mọi mặt công tác của ngành.

Điều 3.- Tiêu chuẩn nghiệp vụ của các chức danh đầy đủ theo Quyết định này do Bộ trưởng Bộ Giáo dục ra quyết định ban hành (sau khi đã thoả thuận với Bộ Lao động - Thương binh và xã hội) hướng dẫn ứng dụng thử nghiệm và tiếp tục hoàn thiện để trình Nhà nước chính thức ban hành theo điểm 3 Quyết định số 109/HĐBT.

Điều 4.- Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, các văn bản trước đây trái với văn bản này đều bị bãi bỏ.

Điều 5.- Bộ trưởng Bộ Giáo dục và các Bộ có liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương và các cơ sở có ứng dụng các chức danh viên chức ngành giáo dục có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

BẢN DANH MỤC

SỐ I

CHỨC DANH ĐẦY ĐỦ VIÊN CHỨC NHÀ NƯỚC NGÀNH GIÁO DỤC

I- NỘI DUNG BẢN DANH MỤC SỐ I NGÀNH GIÁO DỤC:

Căn cứ Quyết định số 117-HĐBT ngày 15/7/1992 của Hội đồng Bộ trưởng và các quy định trong bản Danh mục số I (chức danh gốc) đã ban hành. Bản danh mục số I chức danh đầy đủ các viên chức ngành Giáo dục được ban hành theo Quyết định số 40-LĐTBXH/QĐ ngày 1/2/1989 bao gồm 24 chức danh. Cụ thể như sau:

Nhóm 9: gồm 9 chức danh.

Nhóm 8: gồm 2 chức danh (chưa có chức danh gốc).

Nhóm 5: Gồm 13 chức danh.

II- QUY ĐỊNH SỬ DỤNG:

Theo quy định về phạm vi sử dụng đối với mỗi chức danh ghi trong Bản danh mục số I các chức danh đầy đủ viên chức ngành Giáo dục. Trong đó có 2 chức danh: Hiệu trưởng Nhà trẻ Mẫu giáo. Hiệu trưởng Nhà trẻ chỉ ứng dụng cho những tổ chức do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định. Các chức danh giáo viên nhà trẻ, mẫu giáo là những viên chức Nhà nước làm việc ở các tổ chức theo phạm vi sử dụng trên.

Căn cứ theo Quyết định này, Bộ Giáo dục tiến hành xây dựng tiêu chuẩn nghiệp vụ và hướng dẫn cho các đơn vị ứng dụng theo Thông tư số 17/LĐTBXH/TT ngày 1/11/1988 về ứng dụng chức danh, tiêu chuẩn. Mỗi chức danh đầy đủ được ứng dụng trong thực tế phải có nội dung lao động rõ, đúng với luận chứng khoa học đã nghiên cứu khi hình thành các chức danh đó. Khi có trường hợp thay đổi nội dung lao động, cơ quan chủ quản phải báo cáo với Bộ Giáo dục và được sự thống nhất của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội theo điều 2 của Quyết định số 117- HĐBT ngày 15/ 7/ 1982 của Hội đồng Bộ trưởng về sự sửa đổi hoặc ngoại lệ.

II- BẢN DANH MỤC SỐ I

CHỨC DANH ĐẦY ĐỦ CÁC CHỨC VỤ VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC

TT	Nhóm	Chức danh gốc	Mã số	Chức danh đầy đủ	Phạm vi sử dụng
1	2	3	4	5	6
1	9	Hiệu trưởng	9090	Hiệu trưởng Nhà trẻ - Mẫu giáo	Do Nhà nước tổ chức quản lý (ở các cơ quan, xí nghiệp, công, nông, lâm trường, thị xã, thị trấn. Quy mô từ 6 lớp trở lên)
2				Hiệu trưởng Nhà trẻ	-nt- (Quy mô từ 3 lớp, 60 cháu trở lên).
3				Hiệu trưởng trường mẫu giáo	-nt-
4				Hiệu trưởng trường phổ thông cơ sở (+)	Xã, phường, quận, huyện